TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2024/DS-PT
Ngày: 24/5/2024
V/v: tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Bình**.

Các Thẩm phán:

1. Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**;

2. Bà **Võ Thị Hồng Mai**.

Thư ký phiên tòa: ông **Thái Công Hậu** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:

Bà **Đặng Thị Châu** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 435/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 144/2023/DS-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 268/2024/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Hồ Văn K, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1978; cùng địa chỉ cư trú: tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Văn Phước L, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh - là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản uỷ quyền ký ngày 27-3-2023 (có mặt).

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Nguyễn Thị Mai Q, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: số A, đường V, khu phố E, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh - là người đại diện theo ủy quyền, theo Văn bản uỷ quyền ký ngày 26-4-2023 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị D1, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

5. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn C1 đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27-3-2023; đơn khởi kiện bổ sung ngày 06-9-2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Văn K, bà Phạm Thị Mỹ D và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Văn Phước L trình bày:

Vợ, chồng ông Hồ Văn K, bà Phạm Thị Mỹ D có phần đất giáp ranh với đất của vợ, chồng ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị D1. Phần đất này có diện tích 110 m^2, thuộc thửa số 210, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số CS15476 ngày 18-10-2022, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho ông K, bà D đứng tên. Đất này do ông K, bà D nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị M vào năm 2007, khi nhận chuyển nhượng đã có sẵn nhà trên đất. Quá trình sử dụng, ông K và bà D chỉ lót thêm gạch nền. Đến cuối năm 2022, ông K, bà D phát hiện ông C, bà D1 sử dụng chung vách tường và gác 03 kèo sắt, lợp tôn trên diện tích đất của ông K, bà D. Còn phía trước nhà, ông C và bà D1 có làm mái che lợp tôn, khung sắt, lấn chiếm đất của ông K và bà D.

Do đó ông K, bà D khởi kiện yêu cầu ông C, bà D1 tháo dỡ, di dời mái che, lợp tôn, khung sắt diện tích 4,1 m^2 để trả lại diện tích lấn chiếm 4,68 m^2 và tháo dỡ, di dời mái tôn diện tích 3,2 m^2, một phần của 03 kèo sắt, trong đó một phần của kèo sắt thứ nhất dài 0,4 m, một phần của kèo sắt thứ hai và thứ ba đều dài 0,3 m để trả lại diện tích lấn chiếm 3,2 m^2, cả hai diện tích lấn chiếm đều thuộc một phần của thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, theo GCNQSDĐ cấp cho ông K và bà D đứng tên.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C và người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị Mai Q trình bày:

Năm 1997, ông Nguyễn Văn C nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T phần đất diện tích 100 m^2, thuộc thửa số 1371, tờ bản đồ số 2a, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; sau đó đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp GCNQSDĐ ngày 13-10-1997 cho ông C đứng tên. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông C xây dựng các công trình trên đất như nhà tranh, vách đất, hàng rào kẽm gai.

Về phần đất của ông K, bà D: trước đây, đất có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị T, sau đó bà T chuyển nhượng cho ông Lý Văn M1, rồi ông M1 chuyển nhượng cho bà Lê Thị M, cuối cùng bà M chuyển nhượng lại cho ông K và bà D.

Khi bà M là chủ sử dụng đất, bà M có xin ông C cho bà M xây nhà sát vách và cho chôn móng nền nhà trên phần đất của ông C và được ông C đồng ý. Đến năm 2002, ông C xây nhà mới trên nền nhà cũ, lúc này ông C có thỏa thuận miệng với bà M là ông C sử dụng chung vách tường của bà M có chiều dài khoảng 05 m. Thời gian sau, bà M chuyển nhượng lại nhà, đất cho ông K và bà D. Khi ông K và bà D quản lý, sử dụng phần đất này thì hiện trạng đã có nhà

trên đất. Đồng thời, ông K, bà D biết ông C, bà M có thỏa thuận sử dụng chung vách tường nhưng không có ý kiến phản đối gì.

Nay ông C đồng ý tháo dỡ, di dời mái che lợp tôn, khung sắt diện tích 4,1 m^2 để trả lại diện tích lấn chiếm 4,68 m^2 cho ông K, bà D và không đồng ý tháo dỡ, di dời mái tôn diện tích 3,2 m^2, một phần của 03 kèo sắt, trong đó một phần của kèo sắt thứ nhất dài 0,4 m, một phần của kèo sắt thứ hai và thứ ba đều dài 0,3 m, để trả lại diện tích tranh chấp 3,2 m^2 chp ông K, bà D vì các bên đã có thoả thuận về ranh đất và hiện trạng có trên đất. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, bà D thì ông C đề nghị Tòa án quy giá trị diện tích đất tranh chấp 3,2 m^2, theo kết quả định giá để bồi thường cho ông K và bà D; vì nếu buộc ông C phải tháo dỡ mái tôn và một phần 03 kèo sắt trên sẽ ảnh hưởng đến kết cấu của nhà ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D1 trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Văn C, thống nhất toàn bộ ý kiến và quyết định của ông C, không bổ sung gì thêm.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 144/2023/DS-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai; các điều 147, 157, 165, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn K và bà Phạm Thị Mỹ D về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị D1.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị D1 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời mái che lợp tôn, khung sắt diện tích 4,1 m^2, trả lại cho ông Hồ Văn K và bà Phạm Thị Mỹ D diện tích lấn chiếm 4,68 m^2, thuộc một phần của thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có GCNQSDĐ số CS15476 ngày 18-10-2022, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Hồ Văn K và bà Phạm Thị Mỹ D đứng tên.

1.2. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị D1 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời mái tôn diện tích 3,2 m^2, một phần của 03 (ba) kèo sắt, trong đó một phần của kèo sắt thứ nhất dài 0,4 m, một phần của kèo sắt thứ hai và thứ ba đều dài 0,3 m, trả lại cho ông Hồ Văn K và bà Phạm Thị Mỹ D diện tích lấn chiếm 3,2 m^2, thuộc một phần của thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có GCNQSDĐ số CS15476 ngày 18-10-2022, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Hồ Văn K và bà Phạm Thị Mỹ D đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan bà Lê Thị D1 kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với diện tích đất tranh chấp 3,2 m^2, thuộc thửa số 210, tờ bản đồ số 18; đồng thời, yêu cầu xem xét lại chi phí tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- ***Về tố tụng***: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- ***Về nội dung:*** đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị D1; sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn K, bà Phạm Thị Mỹ D đối với diện tích đất tranh chấp 3,2 m^2, thuộc thửa số 210, tờ bản đồ số 18.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị D1 làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm phù hợp với quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị D1, đối với diện tích đất tranh chấp 3,2 m^2 thấy rằng:

2.1. Theo Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 22/SĐ-TT có xác nhận của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T, tỉnh Tây Ninh ngày 23 tháng 8 năm 2023 thì diện tích đất tranh chấp 3,2 m^2, thuộc một phần của thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCNQSDĐ cho ông K, bà D đứng tên.

2.2. Quá trình giải quyết vụ án, ông C và bà D1 cho rằng vách tường nhà của ông K, bà D được sử dụng chung giữa hai nhà và là ranh của thửa đất số 210 với số 211, theo thoả thuận giữa ông C với chủ sử dụng trước đây là bà M, trước khi bà M chuyển nhượng thửa đất số 210 cho ông K, bà D. Nội dung lời trình bày của ông C, bà D1 phù hợp với ý kiến trình bày của bà Lê Thị M theo Văn bản ngày 11 tháng 12 năm 2023. Ngoài ra, ông K, bà D cũng thừa nhận khi nhận chuyển nhượng thửa đất 210 của bà M vào năm 2007, đã có sẵn nhà trên đất; ông K và bà D chỉ lót thêm gạch nền. Hiện nay ranh thửa đất không có gì thay đổi. Từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay, ông K và bà D không có ý kiến về phần ranh thực tế này.

2.3. Khi ông K và bà D nhận chuyển nhượng thửa đất số 210, căn nhà của bà M (nay là nhà ông K, bà D) và căn nhà của ông C, bà D1 đã được xây dựng kiên cố trên đất. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16 tháng 01 năm 2024, nhà của ông C, bà D1, bao gồm sàn gác lững, mái nhà được xây dựng đính sát, giáp với vách tường là ranh của hai thửa đất. Bị đơn xác định mặc dù có xây dựng nhà liền kề, sát vách tường nhưng cấu trúc cốt thép không gắn với vách tường, không gây ảnh hưởng đến căn nhà của ông K, bà D; còn nguyên đơn thì không biết được cấu trúc cốt thép nhà của ông C, bà D1 có kết nối với vách tường chung không nhưng cho rằng việc xây nhà áp sát sẽ gây áp lực, ảnh hưởng đến vách tường nhà ông bà. Xét thấy, ông K, bà D trình bày nhưng không có chứng cứ chứng minh việc vách tường bị gây áp lực, ảnh hưởng nên không có cơ sở để xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định vách tường nhà của ông K, bà D trên diện tích đất tranh chấp 3,2 m^2 là ranh thực tế của thửa đất số 210 và 211, được hình thành theo thoả thuận ông C và bà M, trước khi bà M chuyển nhượng cho ông K, bà N; phù hợp với khoản 1 Điều 265 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015). Đồng thời, vách tường được xây dựng trên thửa đất số 210 của ông K, bà D, được các bên thừa nhận; ngoài lời trình bày thì bà M, ông C, bà D1 không cung cấp được văn bản, chứng cứ chứng minh các bên đã thoả thuận vách tường ngăn cách đó là sở hữu chung của hai nhà theo quy định tại khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (khoản 2 Điều 176 của Bộ luật Dân sự 2015). Cho nên, có cơ sở xác định vách tường là sở hữu riêng của nhà ông K, bà D.

Ông K, bà D khởi kiện yêu cầu ông C, bà D1 phải trả lại phần đất diện tích 3,2 m^2, thuộc thửa số 210, tờ bản đồ số 18 là không có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, bà D; sửa một phần án sơ thẩm đối với yêu cầu này.

[3] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Ngoài ra, trong quá trình quản lý, sử dụng đất, nếu ông C, bà D1 gây ảnh hưởng, thiệt hại đến vách tường nhà hay quyền, lợi ích hợp pháp khác của ông K, bà D thì ông K, bà D được quyền khởi kiện vụ án khác để yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: tổng cộng 21.000.000 đồng; do sửa một phần án sơ thẩm, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên mỗi bên phải chịu ½ chi phí tố tụng là 10.500.000 đồng.

[6] Về án phí:

Ông K, bà D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp 3,2 m^2 đất không được chấp nhận.

Ông C, bà D1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp 4,1 m^2 đất của ông K, bà C được chấp nhận.

Ông C, bà D1 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D1.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 144/2023/DS-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 275, 276 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 166, 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật Đất đai; các điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn K và bà Phạm Thị Mỹ D đối với ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị D1, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", diện tích 4,68 m^2, thuộc một phần của thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị D1 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời mái che lợp tôn, khung sắt diện tích 4,1 m^2, trả lại cho ông Hồ Văn K và bà Phạm Thị Mỹ D diện tích lấn chiếm 4,68 m^2, thuộc một phần của thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DH 963515, số vào sổ cấp GCN: CS15476 ngày 18-10-2022, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Hồ Văn K và bà Phạm Thị Mỹ D đứng tên; có tứ cận:

+ H: giáp thửa đất số 210, dài các đoạn 0,47 m, 0,11 m;

+ Hướng Tây: giáp thửa đất số 210, dài các đoạn 0,46 m, 1,52 m;

+ Hướng Nam: giáp thửa đất số 210, dài các đoạn 3,61 m, 4,52 m;

+ Hướng Bắc: giáp thửa đất số 1371 (tương ứng với thửa đất số 211), dài 6,58 m,

(Có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn K và bà Phạm Thị Mỹ D đối với ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị D1, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", diện tích 3,2 m^2, thuộc một phần của thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh).

3. Về chi phí tố tụng: ông Hồ Văn K, bà Phạm Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị D1 mỗi bên phải chịu 10.500.000 đồng. Ghi nhận ông K, bà D

đã nộp toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 21.000.000 đồng. Ông C, bà D1 phải có nghĩa vụ nộp trả lại cho ông K, D 10.500.000 đồng (mười triệu, năm trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Hồ Văn K và bà Phạm Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0008051 ngày 06-4-2023 và số 0008539 ngày 08-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho ông K, bà D 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4.2. Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị D1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị D1 không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

5.1. Hoàn trả cho ông C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008651 ngày 10-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

5.1. Hoàn trả cho bà D1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008650 ngày 10-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

6. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS T, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bình